

Bản án số: 127/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 11-10-2018

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thanh Quý.

2. Bà Nguyễn Thị Vân Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 772/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995; thường trú: Xóm 5, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Số 27, đường số 6, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1992; thường trú: Xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; tạm trú: Số 153/4B, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt)

3. *Người làm chứng:*

- Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1997; thường trú: Xóm 5, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Số 27, đường số 6, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1995; thường trú: Xóm 5, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Số 171/74, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/7/2018 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H đã trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Nguyễn Văn Đ không quen biết nhau, được gia đình hai bên giới thiệu, sau đó tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01, ngày 08/5/2015.

Sau khi kết hôn, chị H sinh sống ở nơi thường trú của anh Đ khoảng 03 tháng, sau đó anh chị vào sinh sống tại số 153/4B, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương khoảng 03 tháng thì vợ chồng mâu thuẫn nên chị bỏ về quê. Cách nay khoảng 02 năm chị H vào làm công nhân và tạm trú tại số 27, đường số 6, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Anh Đ vẫn sinh sống ở địa chỉ tạm trú cho đến nay. Anh chị chung sống hạnh phúc được 06 tháng thì xảy ra mâu thuẫn, chị bị ép cưới nên cũng không có tình cảm với anh Đ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã và xúc phạm lẫn nhau. Từ năm 2016 đến nay, anh chị sống ly thân, hai bên ít qua lại, không quan tâm đến nhau, mỗi người tự đi làm lo cuộc sống của mình. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị H và anh Đ không có con chung.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình: Chị H chịu theo quy định pháp luật.

- Quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, triệu tập làm việc để làm bản tự khai, cung cấp chứng cứ vào ngày 17/8/2018; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 06/9/2018; tham gia phiên tòa vào các ngày 24/9/2018 và ngày 11/10/2018, nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do.

- Biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An ngày 15/8/2018 tại UBND phường A thể hiện: Hội Liên hiệp phụ nữ phường A không tiếp nhận thông tin từ cơ sở phản ánh về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Đ, đồng thời không tiếp nhận đơn yêu cầu hòa giải về quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Đ, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo thẩm quyền.

- Lời khai của người làm chứng chị Nguyễn Thị T2: Tôi là em họ cùng quê với chị Nguyễn Thị H, hiện đang làm công nhân và tạm trú tại số 171/74, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương nên biết được quá trình kết hôn, nơi ở, công việc và mâu thuẫn của vợ chồng chị H. Chị H và anh Đ quen nhau là do gia đình hai bên giới thiệu, sau đó đăng ký kết hôn và tổ chức đám cưới. Kết hôn xong vợ chồng chị H về quê anh Đ sinh sống một thời gian, sau đó vào Dĩ An làm công nhân được vài tháng thì mâu thuẫn nên chị H bỏ về quê. Khoảng

giữa năm 2016, chị H vào lại Dĩ An làm công nhân và ở trọ cùng với bạn làm chung tại phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay, còn chồng chị H ở đâu thì tôi không biết. Vợ chồng chị H chưa có con chung. Theo tôi biết thì vợ chồng chị H mặc dù kết hôn nhưng không sống chung nên không có tình cảm, mỗi người đi làm tự lo cuộc sống của mình.

- Lời khai của người làm chứng chị Nguyễn Thị T1: Tôi ở trọ chung với chị Nguyễn Thị H khoảng giữa năm 2016, nghe chị H kể về gia đình nên biết được hoàn cảnh của chị H. Do gia đình hai bên quen biết nhau giới thiệu cho chị H và chồng, sau đó đăng ký kết hôn và tổ chức đám cưới. Kết hôn xong vợ chồng chị H vào Dĩ An làm công nhân nhưng chỉ sống chung vài tháng thì mâu thuẫn nên chị H bỏ về quê. Khoảng giữa năm 2016, chị H vào lại Dĩ An làm công nhân và ở trọ cùng với tôi tại số 27, đường số 6, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay, còn chồng chị H ở đâu thì tôi không biết. Vợ chồng chị H chưa có con chung. Chị H nói mặc dù kết hôn nhưng vợ chồng không sống chung nên không có tình cảm, mỗi người đi làm tự lo cuộc sống của mình, cũng không gặp và liên lạc với nhau.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân, chị H và anh Đ có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, hôn nhân của anh chị không tự nguyện, không có tình cảm, đã sống ly thân một thời gian, không thể hàn gắn, mỗi người tự đi làm lo cuộc sống của mình, không ai quan tâm đến ai. Do đó, chị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Đ là có căn cứ. Quá trình chung sống chị H và anh Đ không có con chung. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ nên đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Đ là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01, ngày 08/5/2015 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Chị H xác định do hôn nhân không tự nguyện nên chị không có tình cảm với anh Đ dẫn đến bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã và xúc phạm lẫn nhau; mặt khác do không có con chung, đã sống ly thân hơn 02 năm, mỗi người tự đi làm lo cuộc sống của mình, không ai quan tâm đến ai, do đó không thể tiếp tục chung sống được với nhau. Chị H trình bày những mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với lời khai của những người làm chứng. Xét mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc, để đạt được mục đích đó vợ chồng phải tôn trọng, thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Do sống ly thân từ năm 2016 đến nay nên chị H xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân với anh Đ. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập đến làm việc nhưng anh Đ đều vắng mặt không rõ lý do, không đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, anh Đ cũng không có văn bản nào thể hiện thiện chí đưa ra phương pháp hàn gắn mối quan hệ giữa anh và chị H. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân của chị H và anh Đ không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Đ không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ (Giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyền số 01, ngày 08/5/2015 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cấp).

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Đ không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019812 ngày 24/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- UBND xã T,
huyện Đ, tỉnh Đắk Nông;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Hoàng